

Số: 13465 /KH-UBND

Biên Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2023

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Biên Hòa**

Thực hiện Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3785/TTr-PTNMT ngày 24/8/2023, UBND thành phố Biên Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

### I. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

#### 1. Quan điểm

Tuân thủ quan điểm theo Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31/07/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

a) Môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

b) Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân có vai trò quan trọng; bảo vệ môi trường phải dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, tận dụng cơ hội của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

c) Bảo vệ môi trường phải lấy bảo vệ sức khỏe của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu. Ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Bảo vệ môi trường phải dựa trên nâng cao chất lượng thể chế và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình, tính công khai, minh bạch và sự giám sát của cộng đồng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành quả của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số; thúc đẩy phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận dựa trên hệ



sinh thái, liên vùng, liên ngành, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp.

đ) Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; tăng cường huy động nguồn lực trong xã hội kết hợp với tăng chi ngân sách; áp dụng hiệu quả nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, người hưởng lợi từ các giá trị môi trường phải trả tiền; tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng và người dân trong bảo vệ môi trường.

## **2. Tầm nhìn đến năm 2050**

Môi trường thành phố Biên Hòa có chất lượng tốt, góp phần cho môi trường tỉnh Đồng Nai, môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm cho nhân dân quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

## **3. Mục tiêu**

### **a) Mục tiêu tổng quát:**

Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của thành phố Biên Hòa.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát;
- Các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước được cải thiện, phục hồi;
- Tăng cường bảo vệ các di sản thiên nhiên, phục hồi các hệ sinh thái; ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học;
- Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Các chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện để giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược được tổng hợp ở Phụ lục 1.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN**

### **1. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường**

a) Phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững:



- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng hiệu quả tài nguyên, hướng tới đạt được mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm ô nhiễm, suy thoái môi trường; hạn chế thấp nhất phát triển các nhóm ngành có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường.

- Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp; hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và các loại kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển không gian xanh, công trình xanh, chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Lồng ghép, thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hưởng ứng Chương trình hành động số 56/CTr-UBND ngày 11/7/2022 về thực hiện hưởng ứng Chống rác thải nhựa trên địa bàn thành phố Biên Hòa giai đoạn 2022-2025.

b) Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường:

- Phối hợp UBND tỉnh thực hiện phân vùng môi trường với định hướng các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội phù hợp; chú trọng đến các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua giấy phép môi trường dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, khả năng chịu tải môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu đối với môi trường:

- Phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo mức độ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhóm cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn.

- Thực hiện theo lộ trình các giải pháp bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường cho khu dân cư đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho



tàng có chứa các chất dễ cháy, nổ, phóng xạ, độc hại, có nguy cơ tác động xấu đến sức khỏe con người, gây ô nhiễm nguồn nước.

- Kiểm soát chặt chẽ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và các chất nguy hại khó phân hủy (PTS).

- Phối hợp xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phát sinh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác, hướng tới các biện pháp canh tác thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng phân bón hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật.

d) Chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Lập và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chú trọng tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện phương châm 04 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ), thống nhất, phối hợp chặt chẽ, công khai thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng trong ứng phó sự cố môi trường.

- Tích cực chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất độc, sự cố tràn dầu trên sông; tăng cường quản lý an toàn hóa chất. Phối hợp, triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nâng cao hiệu quả của việc thẩm định cấp giấy phép môi trường trong việc sàng lọc, ngăn ngừa công nghệ sản xuất lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường của các dự án, cơ sở.

## **2. Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường**

a) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025.

- Phối hợp thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh, chú trọng các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp các Sở, ngành của tỉnh thường xuyên cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giao thông công cộng, vận tải hành khách, hạn chế sự gia tăng phương tiện giao thông cá nhân. Tăng cường kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới. Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện, xe sử dụng nhiên liệu



sạch, năng lượng tái tạo); thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong các đô thị và khu dân cư. Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng đô thị.

- Tăng cường kiểm soát các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn; khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng.

b) Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Tiếp tục triển khai và thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 02-CT/TU ngày 29/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố; Chương trình hành động số 2098/CTr-UBND ngày 25/2/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Biên Hòa; Kế hoạch số 8995/KH-UBND ngày 13/7/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Biên Hòa giai đoạn 2020-2025.

- Triển khai thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn tại nguồn và thực hiện phương án thu phí theo lượng chất thải rắn phát sinh theo đúng tiến độ quy định trong Luật Bảo vệ môi trường để thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 56/CTr-UBND ngày 11/7/2022 của UBND thành phố về thực hiện hưởng ứng Chống rác thải nhựa trên địa bàn thành phố Biên Hòa giai đoạn 2022-2025. Tăng cường giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa. Từ sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch; sau năm 2030 dừng sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa; thúc đẩy phát triển các sản phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường để thay thế. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam theo Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định về môi trường và yêu cầu kỹ thuật; giảm tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp, giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải thực phẩm.

- Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và y tế; ngăn chặn hiệu quả tình trạng đổ, chôn lấp chất thải nguy hại trái phép. Từng bước thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng quản lý chất thải điện tử.

c) Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông:



- Phối hợp thực hiện các hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát hoạt động xử lý nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đảm bảo 100% các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Phối hợp đánh giá tổng thể chất lượng các nguồn nước dưới đất, và thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nguồn nước dưới đất.

d) Tiếp tục cung cấp nước sạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và ngăn chặn các yếu tố môi trường có hại cho sức khỏe con người:

- Tiếp tục mở rộng phạm vi dịch vụ cung cấp nước sạch, giảm thiểu thất thoát nước sạch cho nhân dân trên địa bàn.

- Tăng cường thực hiện các nội dung, giải pháp về vệ sinh môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh, xóa bỏ các hủ tục, khuyến khích thực hiện hỏa táng trong nhân dân.

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ sức khỏe cộng đồng đối với các dịch bệnh do các yếu tố môi trường gây ra, tiến tới dừng sử dụng các vật liệu xây dựng có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.

### **3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên**

a) Bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên, mở rộng hệ thống các khu bảo tồn, các hành lang đa dạng sinh học:

- Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân đầu tư, thành lập, quản lý, sử dụng và phát triển bền vững các di sản thiên nhiên, các khu vực bảo tồn đa dạng sinh học tự nguyện.

- Thúc đẩy lượng giá đa dạng sinh học; tiếp tục mở rộng áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng.

- Phối hợp quản lý bền vững các hành lang đa dạng sinh học kết nối các sinh cảnh nơi có các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

b) Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái:

- Lồng ghép nội dung bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên vào các chương trình, kế hoạch phát triển. Đẩy mạnh triển khai các mô hình bảo tồn, sử dụng bền vững các hệ sinh thái; chú trọng bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị.

- Tăng cường bảo vệ rừng đầu nguồn phòng hộ, bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên, sử dụng có hiệu quả rừng trồng. Ngăn chặn có hiệu quả nạn khai thác thực vật, động vật hoang dã và phá rừng trái pháp luật. Tăng cường các biện pháp chống cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại.

c) Ngăn chặn sự suy giảm các loài và nguồn gen, bảo đảm an toàn sinh học:



- Tăng cường ngăn chặn khai thác, săn bắt, đánh bắt, buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm; kiểm soát chặt chẽ hoạt động gây nuôi động vật hoang dã.

- Đẩy mạnh bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu, có nguy cơ tuyệt chủng. Thúc đẩy tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích; phát triển, thị trường hóa sản phẩm từ các nguồn gen phù hợp với các điều ước quốc tế.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn sự du nhập, phát triển và giảm thiểu tác động của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại. Tiếp tục kiểm soát rủi ro từ sinh vật biến đổi gen, chú trọng việc quản lý nhập khẩu, cấp phép và nhân giống sinh vật biến đổi gen, đặc biệt đối với cây lương thực như ngô, đậu tương.

d) Tăng cường bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ và phát triển nguồn vốn tự nhiên:

- Thực hiện các giải pháp tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp để bảo vệ, nâng cao độ phì của đất; chú trọng phòng, chống xói mòn, suy thoái đất, xói lở bờ sông.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt.

- Kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tiếp tục kiểm soát, ngăn chặn và loại bỏ các hình thức đánh bắt, khai thác thủy sản mang tính hủy diệt. Đẩy mạnh thực hiện đồng quản lý, áp dụng chứng chỉ sinh thái, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng trọt bền vững.

- Đẩy mạnh đầu tư bảo vệ và phát triển các nguồn vốn tự nhiên. Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với đất rừng, mặt nước.

#### **4. Chủ động bảo vệ môi trường để góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính**

a) Tăng cường bảo vệ môi trường để giảm tính dễ bị tổn thương và nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu:

- Phối hợp đánh giá tác động, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra đối với môi trường, đa dạng sinh học và hệ sinh thái trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổng kết, xây dựng và nhân rộng các giải pháp, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái (EbA), các giải pháp dựa vào tự nhiên (NbS), bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi môi trường... phù hợp với thành phố.

- Tiếp tục thực hiện trồng, khoanh nuôi, tái sinh rừng, nhất là rừng đầu nguồn lưu vực sông; thực hiện hiệu quả Đề án trồng 01 tỷ cây xanh giai đoạn



2021-2025 theo Quyết định 524/QĐ-TTg ngày 01/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các kế hoạch, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường. Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường chống chịu với các tác động của biến đổi khí hậu.

b) Phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, tăng cường quản lý tổng hợp chất thải rắn, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái để giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính:

- Thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng các vật liệu xây không nung, thân thiện với môi trường, từng bước hạn chế phát triển nhiệt điện than; kiểm soát các chất làm suy giảm tầng ô-dôn từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

- Phát triển và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn; thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, xử lý/tiêu hủy kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn.

- Nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế phát thải các-bon thấp, các mô hình sinh kế gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên.

- Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+) đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Đổi mới tư duy của các cấp, các ngành; nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân**

- Phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về quan điểm coi “môi trường là điều kiện, nền tảng, là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững” theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Từng bước thay đổi nhận thức, tư duy của các cấp, các ngành về vai trò của bảo vệ môi trường trong hoạch định chính sách phát triển.

- Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, đặc biệt là UBND cấp xã về bảo vệ môi trường;

- Tăng cường giáo dục đạo đức môi trường, tình yêu thiên nhiên, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường của con người Việt Nam. Đưa bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục các cấp và trình độ đào tạo; đẩy mạnh đào tạo các chuyên ngành về môi trường; xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục.

- Phát huy ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường của các doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần



hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường và phát huy thế mạnh của các công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến... Nâng cao nhận thức, biến ý thức thành hành động về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư. Hình thành và phát triển lối sống xanh, chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong quản lý chất thải và vệ sinh môi trường.

- Phát hiện, nêu gương, khen thưởng kịp thời, tạo dựng các phong trào, nhân rộng các điển hình, mô hình tốt về bảo vệ môi trường; tiếp tục xem xét, đề xuất trao tặng Giải thưởng Môi trường Việt Nam theo định kỳ.

- Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, quyền trẻ em trong lĩnh vực môi trường; tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong bảo vệ môi trường.

## **2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với thể chế kinh tế thị trường**

- Tiếp tục căn cứ quy định và hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh, và các Sở, ngành để hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường không khí, nước, đất, quản lý chất thải rắn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố.

- Rà soát, thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thân thiện với môi trường, các sản phẩm sinh thái; hỗ trợ các hoạt động xử lý, cải tạo ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch thành phố.

## **3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường**

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan quản lý môi trường từ cấp huyện, cấp xã bảo đảm tính thống nhất, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, khắc phục các chồng chéo, bất cập, xung đột trong chức năng nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường giữa các cơ quan, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh phân cấp, tăng trách nhiệm của chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về môi trường theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời giảm thiểu rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp. Từng bước chuyển đổi phương thức quản lý theo hướng giảm “tiền kiểm”, tăng “hậu kiểm”, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

## **4. Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường**



- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế tài xử phạt hành chính theo hướng tăng mức phạt; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định và thực hiện xử lý hình sự đối với các tội phạm về môi trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh phối hợp hiệu quả giữa cơ quan chuyên môn, địa phương và lực lượng cảnh sát môi trường.

- Tăng cường cung cấp, công khai, minh bạch thông tin trong quản lý môi trường đến cộng đồng, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ quản lý môi trường địa phương.

- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan truyền thông đối với bảo vệ môi trường; phát triển và ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội, các đường dây nóng... để đẩy mạnh giám sát về môi trường.

- Triển khai thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường, cơ chế xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

#### **5. Huy động đầu tư từ xã hội, tăng dần chi ngân sách, nâng cao tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực về bảo vệ môi trường**

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách huy động đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Trung ương, UBND tỉnh, các quy định về đấu thầu dịch vụ công ích về môi trường. Triển khai mạnh mẽ các hình thức đối tác công tư (PPP), đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân, thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong bảo vệ môi trường.

- Tăng chi từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường, bảo đảm tăng dần theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của thành phố.

- Chú trọng phát triển năng lực cung ứng dịch vụ môi trường, đặc biệt là tái chế, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường.

- Tích cực, chủ động đề xuất các dự án về bảo vệ môi trường để thu hút nguồn lực đầu tư từ các quỹ tài chính, các tổ chức quốc tế, các nước trên thế giới.

- Thiết lập cơ chế, xây dựng tiêu chí và quy trình lựa chọn các dự án về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

#### **6. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu về môi trường**

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT), công nghệ cao trong các ngành, lĩnh vực.

- Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin, viễn thám và các công nghệ hiện đại trong



quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát, quan trắc và cảnh báo về môi trường; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính về môi trường.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường.

- Bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời. Từng bước chuyên đổi, số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo vệ môi trường; đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho các viện nghiên cứu, trường đại học, các đơn vị tư vấn về môi trường.

#### **IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Thực hiện theo khoản 2 Điều 2 Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phần IV Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31/07/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn vốn nước ngoài.

#### **V. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

1. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, UBND 30 phường, xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Tổng hợp kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của thành phố Biên Hòa.

2. Trên cơ sở theo dõi nhiệm vụ, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện hàng năm của các cơ quan, ban, ngành thành phố và UBND 30 phường, xã; giao Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố về nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phù hợp với khả năng ngân sách của thành phố.

3. Các cơ quan, ban, ngành thành phố và UBND 30 phường, xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thành phố, các doanh nghiệp và người dân có trách nhiệm tham gia bảo vệ môi trường, tổ chức phản biện chính sách và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định.

#### **VI. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**



1. Các cơ quan, ban, ngành thành phố và UBND 30 phường, xã có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý, lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, gửi về UBND thành phố Biên Hòa (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp.

- Theo dõi, phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực, địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý; kịp thời rà soát, báo cáo UBND thành phố để chỉnh sửa, bổ sung các chỉ tiêu giám sát tại Phụ lục 1 khi có yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, ban, ngành thành phố và UBND 30 phường, xã kịp thời tổng hợp gửi báo cáo về Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất và tham mưu UBND thành phố Biên Hòa xem xét, xử lý.

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc và tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch; hàng năm xây dựng báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố; báo cáo sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm tình hình thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Biên Hòa./. 

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Đồng Nai (thay báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể TP;
- Chủ tịch, các PCT/UBND TP;
- Chánh, các PVP/HĐND và UBND TP;
- Các cơ quan, ban, ngành TP;
- Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao;
- UBND 30 phường, xã
- Lưu: VT, KTNS (Hồng).



**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Tân**





PHỤ LỤC 1

**CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Kế hoạch số 134CS /KH-UBND ngày 31 / 8 /2023 của UBND thành phố Biên Hòa )

| TT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì thực hiện được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh | Cơ quan chủ trì thực hiện, theo đối phối hợp tại địa phương | Lộ trình thực hiện |         | Ghi chú                                                   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|---------|-----------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                          |                                                                  |                                                             | 2025               | 2030    |                                                           |
| I  | Các tác động xấu gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát                                                                                             |                                                                  |                                                             |                    |         |                                                           |
| 1  | Tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp (%)                                                                                                        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                           | Phòng Kinh tế                                               | 1,5 - 2            | 3,5-4,5 | Chỉ tiêu theo Kế hoạch 183/KH-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai |
| 2  | Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)                                                                                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                           | Phòng Kinh tế                                               | 100                | 100     |                                                           |
| 3  | Tỷ lệ giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu so với năm 2020 của các ngành dệt may, thép, nhựa, hóa chất, rượu bia nước giải khát và giấy (%)                                                         | Sở Công Thương                                                   | Phòng Kinh tế                                               | 5 - 8              | 7 - 10  |                                                           |
| 4  | Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương (%) | Sở Tài nguyên và Môi trường                                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường                              | 100                | 100     |                                                           |
| 5  | Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý (%)                                                                                                                                           | Sở Tài nguyên và Môi trường                                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường                              | 100                | 100     |                                                           |
| II | Các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách cơ bản được giải quyết, chất lượng môi trường từng bước cải thiện, phục                                                                                       |                                                                  |                                                             |                    |         |                                                           |





| TT | Chỉ tiêu                                                                                                              | Cơ quan chủ trì thực hiện được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh | Cơ quan chủ trì thực hiện, theo dõi phối hợp tại địa phương         | Lộ trình thực hiện |      | Ghi chú                                                   |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|------|-----------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                       |                                                                  |                                                                     | 2025               | 2030 |                                                           |
|    | <b>hồi</b>                                                                                                            |                                                                  |                                                                     |                    |      |                                                           |
| 6  | Tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách công cộng ở các đô thị đặc biệt, đô thị loại I (%)                              | Sở Giao thông Vận tải                                            | Phòng Quản lý Đô thị                                                | 5                  | 10   | Chỉ tiêu theo Kế hoạch 183/KH-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai |
| 7  | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định (%)                                                   | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp chung UBND cấp xã thực hiện | 100                | 100  |                                                           |
| 8  | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom (%) | Sở Tài nguyên và Môi trường                                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường                                      | 15                 | 10   |                                                           |
| 9  | Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (%)                                          | Sở Tài nguyên và Môi trường                                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường                                      | 100                | 100  |                                                           |
| 10 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định (%)                                         | Sở Xây dựng                                                      | Phòng Quản lý Đô thị                                                | >30                | >50  |                                                           |
| 11 | Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)            | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Kinh tế                       | 100                | 100  |                                                           |
| 12 | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt                                         | Sở Tài nguyên và Môi trường                                      | Phòng Tài nguyên và Môi trường                                      | 100                | 100  |                                                           |





| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì thực hiện được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh | Cơ quan chủ trì thực hiện, theo dõi phối hợp tại địa phương | Lộ trình thực hiện |         | Ghi chú                                                       |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|---------|---------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                                                |                                                                  |                                                             | 2025               | 2030    |                                                               |
|            | quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)                                                                                                              |                                                                  |                                                             |                    |         |                                                               |
| 13         | Tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học (%) | Sở Công thương                                                   | Phòng Kinh tế; Phòng Tài nguyên và Môi trường               | 100                | 100     | Chỉ tiêu theo Kế hoạch 183/KH-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai     |
| 14         | Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)                                                                | Sở Xây dựng                                                      | Phòng Quản lý Đô thị                                        | 90                 | 95      |                                                               |
| 15         | Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn (%)                                                             | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                           | Phòng Kinh tế                                               | 85                 | 80      |                                                               |
| 16         | Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh (%)                                                                                        | Sở Y tế                                                          | Phòng Y tế                                                  | 85                 | 100     |                                                               |
| <b>III</b> | <b>Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính</b>                                   |                                                                  |                                                             |                    |         |                                                               |
| 17         | Tỷ lệ che phủ rừng (%)                                                                                                                         | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn                           | Phòng Kinh tế                                               | 42                 | 42-43   | Theo dõi, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| 18         | Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (%)                                                                       | Sở Công Thương                                                   | Phòng Quản lý Đô thị                                        | 13 - 15            | 15 - 20 | Theo dõi, phối hợp với Sở Công Thương                         |